

Nhập nội dung TBMT

Thông tin chung			
Số TBMT	20211113582-00	Ngày đăng tải	
Hình thức thông báo	Đăng lần đầu		
Loại thông báo	Thông báo thực		
Lĩnh vực	Gói xây lắp		
Bên mời thầu	Công ty Thủy điện Đồng Nai		
Chủ đầu tư	Tổng Công ty Phát điện 1 Địa chỉ: Tòa nhà Thai Building, khối nhà A, lô E2, số 22 đường Dương Đình Nghệ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Điện thoại: 024.730.89.789 Đại diện Chủ đầu tư: Công ty Thủy điện Đồng Nai Địa chỉ : 254 Trần Phú - Phường Lộc Sơn - Thành phố Bảo Lộc - Tỉnh Lâm Đồng - Việt Nam Điện thoại : 0263.2478888 Fax: 0263.3726899		
Tên gói thầu	Thi công cấm tiêu báo lũ, bảng chỉ dẫn ngập lụt thuộc phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp NMTĐ ĐN3 ĐN4		
Phân loại	Hoạt động chi thường xuyên		
Tên dự toán mua sắm	SXKD năm 2021		
Chi tiết nguồn vốn	SXKD điện 2021		
Loại hợp đồng	Trộn gói		
Hình thức lựa chọn nhà thầu	Đấu thầu rộng rãi	Trong nước	
Phương thức	Một giai đoạn một túi hồ sơ		
Thời gian thực hiện hợp đồng	60 Ngày		

Cách thức tham dự thầu	
Hình thức dự thầu	Đấu thầu qua mạng
Thời gian nhận HSDT từ ngày	
Phát hành E-HSMT	Miễn phí
Thời hạn hiệu lực của E-HSDT	60 Ngày
Địa điểm nhận E-HSDT	web site: http://muasamcong.mpi.gov.vn
Địa điểm thực hiện gói thầu	Tỉnh Lâm Đồng

Mở thầu	
Thời điểm đóng/ mở thầu	18/11/2021 16:00
Địa điểm mở thầu	website: http://muasamcong.mpi.gov.vn
Dự toán gói thầu	480.419.237 VND
Số tiền bằng chữ	Bốn trăm tám mươi triệu bốn trăm mười chín nghìn hai trăm ba mươi bảy đồng chẵn

Bảo đảm dự thầu

Số tiền đảm bảo	7.000.000 VND
Số tiền bằng chữ	Bảy triệu đồng chẵn
Hình thức đảm bảo dự thầu	Thư bảo lãnh

BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

E-CDNT 1.1	Tên Bên mời thầu là: Công ty Thủy điện Đồng Nai
E-CDNT 1.2	Tên gói thầu: Thi công cấm tiêu báo lũ, bảng chỉ dẫn ngập lụt thuộc phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp NMTĐ ĐN3 ĐN4 Tên dự toán là: SXKD năm 2021 Thời gian thực hiện hợp đồng là: 60 Ngày
E-CDNT 3	Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn): SXKD điện 2021
E-CDNT 5.3	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau: - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: + Bên mời thầu: Tổng Công ty Phát điện 1 Địa chỉ: Tòa nhà Thai Building, khối nhà A, lô E2, số 22 đường Dương Đình Nghệ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Điện thoại: 024.730.89.789 Đại diện Chủ đầu tư: Công ty Thủy điện Đồng Nai Địa chỉ : 254 Trần Phú - Phường Lộc Sơn - Thành phố Bảo Lộc - Tỉnh Lâm Đồng - Việt Nam Điện thoại : 0263.2478888 Fax: 0263.3726899 - trừ trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu, nhà thầu tham dự thầu thuộc cùng một tập đoàn kinh tế nhà nước và sản phẩm thuộc gói thầu là đầu vào của Chủ đầu tư, Bên mời thầu, là đầu ra của nhà thầu tham dự thầu, đồng thời là ngành nghề sản xuất, kinh doanh chính của tập đoàn. - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên. Cụ thể như sau : + Tư vấn lập, thẩm tra, thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán + Tư vấn lập, thẩm định E-HSMT + Tư vấn đánh giá E-HSDT; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu - Không có Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với: - Bên mời thầu: Công ty Thủy điện Đồng Nai , địa chỉ: 254 Trần Phú, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng - Chủ đầu tư: Tổng Công ty Phát điện 1 Địa chỉ: Tòa nhà Thai Building, khối nhà A, lô E2, số 22 đường Dương Đình Nghệ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Điện thoại: 024.730.89.789 Đại diện Chủ đầu tư: Công ty Thủy điện Đồng Nai Địa chỉ : 254 Trần Phú - Phường Lộc Sơn - Thành phố Bảo Lộc - Tỉnh Lâm Đồng - Việt Nam Điện thoại : 0263.2478888 Fax: 0263.3726899
E-CDNT 5.6	Điều kiện về cấp doanh nghiệp: Là doanh nghiệp cấp nhỏ hoặc siêu nhỏ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp
E-CDNT 10.1(g)	Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây: Không yêu cầu
E-CDNT 17.1	Nội dung bảo đảm dự thầu: - Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu: 7.000.000 VND - Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: 90 ngày, kể từ thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 25.2	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 0 % giá dự thầu của nhà thầu.
E-CDNT 27.1	Phương pháp đánh giá E-HSDT: - Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt - Không đạt - Đánh giá về kỹ thuật: Đạt - Không đạt - Đánh giá về giá: Phương pháp giá thấp nhất
E-CDNT 27.2.1	Xếp hạng nhà thầu: nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.
E-CDNT 29.4	Nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất.
E-CDNT 31.1	Thời hạn đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống trong vòng 7 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

E-CDNT 32	- Địa chỉ của Chủ đầu tư: Tổng Công ty Phát điện 1 Địa chỉ: Tòa nhà Thai Building, khối nhà A, lô E2, số 22 đường Dương Đình Nghệ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Điện thoại: 024.730.89.789 Đại diện Chủ đầu tư: Công ty Thủy điện Đồng Nai Địa chỉ : 254 Trần Phú - Phường Lộc Sơn - Thành phố Bảo Lộc - Tỉnh Lâm Đồng - Việt Nam Điện thoại : 0263.2478888 Fax: 0263.3726899 - Địa chỉ của Người có thẩm quyền: Ông Ngô Văn Sỹ – Giám đốc Công ty Thủy điện Đồng Nai Địa chỉ: 254 Trần phú, P.Lộc Sơn, Tp.Bảo Lộc, Lâm Đồng. Điện thoại: 02632478888 Fax: 0263 3726899 - Địa chỉ của bộ phận thường trực giúp việc Hội đồng tư vấn: Phòng Kế hoạch và Vật tư, Công ty Thủy điện Đồng Nai Địa chỉ: 254 Trần phú, P.Lộc Sơn, Tp.Bảo Lộc, Lâm Đồng. Điện thoại: 0263.2223468 Fax: 0263 3726899
E-CDNT 33	Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát: Phòng Kế hoạch và Vật tư, Công ty Thủy điện Đồng Nai Địa chỉ: 254 Trần phú, P.Lộc Sơn, Tp.Bảo Lộc, Lâm Đồng. Điện thoại: 0263.2223468 Fax: 0263 3726899

Mẫu số 01A

BẢNG CHI TIẾT HẠNG MỤC XÂY LẮP
(Đối với loại hợp đồng trọn gói)

Bên mời thầu liệt kê danh mục các hạng mục xây lắp liên quan để thực hiện gói thầu theo bảng sau:

STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính
A	Thi công cấm tiêu báo lũ, bảng chỉ dẫn ngập lụt thuộc phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp NMTĐ ĐN3 & ĐN4			
B	Hạng mục khảo sát đo thực địa			
1	Đo nối tọa độ quốc gia - Tam giác hạng 4 - Địa hình cấp IV. Bộ thiết bị GPS (3 máy) (không xây dựng mốc)	Chương V.Yêu cầu xây lắp	5	điểm
2	Cắm mốc và xác định mực nước thấp nhất thể hiện trên tiêu báo theo kết quả tính toán ngập lụt - Đo lưới khống chế mặt bằng. Đường chuyên cấp 2. Bộ thiết bị GPS (3 máy)	Chương V.Yêu cầu xây lắp	15	điểm
3	Đo khống chế cao. Thủy chuẩn hạng IV, dọc theo chiều dài tuyến cấm tiêu báo lũ. Địa hình cấp IV	Chương V.Yêu cầu xây lắp	20	km
4	Đo nối cao tọa độ vị trí khảo sát, cấp địa hình IV	Chương V.Yêu cầu xây lắp	8	điểm
C	Khối lượng xây dựng tiêu báo lũ và bảng chỉ dẫn ngập lụt			
D	Khối lượng xây dựng tiêu báo lũ			
1	Đào móng cột, trụ, hố kiểm tra bằng thủ công, rộng <1m, sâu <1m-đất cấp II	Chương V.Yêu cầu xây lắp	13,82	m3
2	Bê tông móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, rộng ≤250cm, M200, đá 1x2	Chương V.Yêu cầu xây lắp	4,61	m3
3	Ván khuôn gỗ móng - móng vuông, chữ nhật	Chương V.Yêu cầu xây lắp	0,23	100m2
4	Lắp dựng cốt thép móng, ĐK ≤ 10 mm	Chương V.Yêu cầu xây lắp	0,13	tấn
5	Bê tông cọc, cột, bê tông M250, đá 1x2 - Đổ bê tông đúc sẵn bằng thủ công (vữa bê tông sản xuất bằng máy trộn)	Chương V.Yêu cầu xây lắp	3,74	m3
6	Gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn gỗ, cọc, cột	Chương V.Yêu cầu xây lắp	0,59	100m2
7	Sản xuất, lắp đặt cốt thép cột, cọc, cừ, xà dầm, giằng, ĐK ≤10mm	Chương V.Yêu cầu xây lắp	0,34	tấn

8	Vận chuyển cột bằng thủ công	Chương V.Yêu cầu xây lắp	36	Nhân công bậc 3,0/7 - Nhóm 1
9	Lắp các loại CKBT đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng $\leq 50\text{kg}$	Chương V.Yêu cầu xây lắp	36	cái
10	Bê tông cốt cột SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, $\text{TD} \leq 0,1\text{m}^2$, chiều cao $\leq 6\text{m}$, M200, đá 1x2	Chương V.Yêu cầu xây lắp	2,59	m^3
11	Ván khuôn cột - Cột vuông, chữ nhật	Chương V.Yêu cầu xây lắp	0,35	100m^2
12	Lắp dựng cốt thép cột, trụ, $\text{ĐK} \leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	Chương V.Yêu cầu xây lắp	0,13	tấn
13	Đắp đất và san đất dư thừa, đất cấp II	Chương V.Yêu cầu xây lắp	6,91	m^3
14	Sơn tiêu báo lũ 1 nước lót 2 nước phủ không bả	Chương V.Yêu cầu xây lắp	57,6	m^2
E Khối lượng xây dựng bằng chỉ dẫn ngập lụt				
1	Đào móng cột, trụ, hồ kiểm tra bằng thủ công, rộng $< 1\text{m}$, sâu $< 1\text{m}$ -đất cấp II	Chương V.Yêu cầu xây lắp	7,78	m^3
2	Bê tông lót móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, rộng $\leq 250\text{cm}$, M150, đá 4x6	Chương V.Yêu cầu xây lắp	1,3	m^3
3	Bê tông móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, rộng $\leq 250\text{cm}$, M200, đá 1x2	Chương V.Yêu cầu xây lắp	2,3	m^3
4	Ván khuôn gỗ móng - móng vuông, chữ nhật	Chương V.Yêu cầu xây lắp	0,21	100m^2
5	Lắp dựng cốt thép móng, $\text{ĐK} \leq 10\text{ mm}$	Chương V.Yêu cầu xây lắp	0,11	tấn
6	Lắp đặt thép ống mạ kẽm D90, dày 2mm	Chương V.Yêu cầu xây lắp	0,64	100m
7	Lắp đặt nút bịt đầu ống thép ống mạ kẽm D90	Chương V.Yêu cầu xây lắp	16	Cái
8	Gia công bằng chỉ dẫn ngập lụt	Chương V.Yêu cầu xây lắp	0,62	tấn
9	Lắp dựng bằng chỉ dẫn ngập lụt	Chương V.Yêu cầu xây lắp	8	Cái
10	Sơn sắt thép bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	Chương V.Yêu cầu xây lắp	131,17	m^2
11	In và dán bản đồ vùng ngập và hướng dẫn tránh lũ bằng công nghệ in lụa	Chương V.Yêu cầu xây lắp	8	Bảng
12	Vận chuyển thủ công	Chương V.Yêu cầu xây lắp	16	Nhân công bậc 3,0/7 - Nhóm 1
F Khối lượng thực hiện tại địa phương và bàn giao tiêu báo lũ Bảng chỉ dẫn ngập lụt				
G Đợt 1: Khảo sát và thống nhất vị trí xây dựng tiêu báo lũ và lắp đặt bằng chỉ dẫn ngập lụt với các xã (3 người x 2 ngày x 1 lần)				
1	Thuê xe đi khảo sát	Chương V.Yêu cầu xây lắp	2	ngày
2	Chi phí làm việc với các xã (5 xã/thị trấn):	Chương V.Yêu cầu xây lắp	5	xã
3	Thuê phòng nghỉ tại nơi công tác (3 người x 1 ngày.đêm x 1 lần)	Chương V.Yêu cầu xây lắp	3	người.đêm
4	Phụ cấp lưu trú (3 người x 2 ngày x 1 lần)	Chương V.Yêu cầu xây lắp	6	ngày
H Đợt 2: Bàn giao tiêu báo lũ và bằng chỉ dẫn ngập lụt cho CĐT và địa phương (3 người x 2 ngày x 1 lần)				

1	Thuê xe đi bàn giao	Chương V.Yêu cầu xây lắp	2	ngày
2	Chi phí làm việc với các xã (5 xã/thị trấn):	Chương V.Yêu cầu xây lắp	5	xã
3	Thuê phòng nghỉ tại nơi công tác (3 người x 1 ngày.đêm x 1 lần)	Chương V.Yêu cầu xây lắp	3	người.đêm
4	Phụ cấp lưu trú (3 người x 2 ngày x 1 lần)	Chương V.Yêu cầu xây lắp	6	ngày

Mẫu số 02

BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

Nêu yêu cầu về thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành hợp đồng theo ngày/tuần/tháng.

Thời gian thực hiện công trình	60 Ngày
--------------------------------	---------

Trường hợp ngoài yêu cầu thời hạn hoàn thành cho toàn bộ công trình còn có yêu cầu tiến độ hoàn thành cho từng hạng mục công trình thì lập bảng yêu cầu tiến độ hoàn thành như sau:

STT	Hạng mục công trình	Ngày bắt đầu	Ngày hoàn thành
-----	---------------------	--------------	-----------------

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ				Tài liệu cần nộp
STT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh			
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Tối thiểu một thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 ⁽¹⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng không hoàn thành ⁽²⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 12
2	Năng lực tài chính						
2.1	Kết quả hoạt động tài chính	Nhà thầu kê khai số liệu tài chính theo báo cáo tài chính từ năm 2018 đến năm 2020 ⁽³⁾ để cung cấp thông tin chứng minh tình hình tài chính lành mạnh của nhà thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 13A
		Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm gần nhất phải dương.					
2.2	Doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động xây dựng	Doanh thu bình quân hàng năm tối thiểu là 750.000.000 ⁽⁴⁾ VND, trong vòng 3 ⁽⁵⁾ năm gần đây. Doanh thu xây dựng hàng năm được tính bằng tổng các khoản thanh toán cho các hợp đồng xây lắp mà nhà thầu nhận được trong năm đó.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Không áp dụng	Mẫu số 13B
2.3	Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu	Nhà thầu phải chứng minh có các tài sản có khả năng thanh khoản cao ⁽⁶⁾ hoặc có khả năng tiếp cận với tài sản có khả năng thanh khoản cao sẵn có, các khoản tín dụng hoặc các nguồn tài chính khác (không kể các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là 140.000.000 ⁽⁷⁾ VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Không áp dụng	Các Mẫu số 14, 15
3	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự	Số lượng tối thiểu các hợp đồng tương tự ⁽⁸⁾ theo mô tả dưới đây mà nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn ⁽⁹⁾ với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ ⁽¹⁰⁾ trong vòng 5 ⁽¹¹⁾ năm trở lại đây (tính đến thời điểm đóng thầu): hợp đồng về công tác Cấm tiêu cảnh báo lũ hoặc lập Phương án phòng chống lũ, lụt cho vùng hạ du đập có công tác cấm tiêu cảnh báo lũ hoặc lập Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp có công tác cấm tiêu cảnh báo lũ hoặc Khảo sát địa hình công trình Số lượng hợp đồng bằng 2 hoặc khác 2, ít nhất có 01 hợp đồng có giá trị tối thiểu là 350.000.000 VND và tổng giá trị tất cả các hợp đồng ≥ 700.000.000 VND. Loại công trình: Công trình công nghiệp Cấp công trình: Cấp II	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (trưng dương với phần công việc đảm nhận)	Không áp dụng	Mẫu số 10A, 10B

Ghi chú:

(1) Ghi số năm, thông thường là từ 3 đến 5 năm trước năm có thời điểm đóng thầu.

(2) Hợp đồng không hoàn thành bao gồm:

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại.

(3) Ghi số năm yêu cầu, thông thường từ 3 đến 5 năm trước năm có thời điểm đóng thầu.

(4) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hàng năm:

a) Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hàng năm = (Giá gói thầu / thời gian thực hiện hợp đồng theo năm) x k.

Thông thường yêu cầu hệ số "k" trong công thức này là từ 1,5 đến 2;

b) Trường hợp thời gian thực hiện hợp đồng dưới 1 năm thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu trung bình hàng năm = Giá gói thầu x k.

Thông thường yêu cầu hệ số "k" trong công thức này là 1,5.

Nhà thầu phải nộp tài liệu chứng minh về doanh thu xây dựng như: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng xây lắp đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu hợp pháp khác.

c) Đối với trường hợp nhà thầu liên danh, việc đánh giá tiêu chuẩn về doanh thu của từng thành viên liên danh căn cứ vào giá trị, khối lượng do từng thành viên đảm nhiệm.

(5) Ghi số năm phù hợp với số năm yêu cầu nộp báo cáo tài chính tại tiêu chí 2.1.

(6) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán dễ bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và các tài sản khác mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm.

(7) Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu:

a) Đối với gói thầu có thời gian thực hiện hợp đồng từ 12 tháng trở lên, yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu được xác định theo công thức sau:

Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu = t x (Giá gói thầu/thời gian thực hiện hợp đồng (tính theo tháng)).

Thông thường yêu cầu hệ số "t" trong công thức này là 3.

b) Đối với gói thầu có thời gian thực hiện hợp đồng dưới 12 tháng, yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu được xác định theo công thức sau:

Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu = 30% x Giá gói thầu

Nguồn lực tài chính được tính bằng tổng các tài sản có khả năng thanh khoản cao hoặc có khả năng tiếp cận với tài sản có khả năng thanh khoản cao sẵn có, các khoản tín dụng (bao gồm cam kết tín dụng của tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam đối với gói thầu này) hoặc các nguồn tài chính khác.

Trường hợp trong E-HSĐT, nhà thầu có nộp kèm theo bản scan cam kết tín dụng của tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, trong đó cam kết sẽ cung cấp tín dụng cho nhà thầu để thực hiện gói đang xét với hạn mức tối thiểu bằng giá trị yêu cầu tại tiêu chí đánh giá 2.3 Mẫu số 03 Chương IV trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng thì nhà thầu phải kê khai thông tin theo quy định tại Mẫu số 14 nhưng không phải kê khai thông tin theo Mẫu số 15 Chương này.

Trường hợp có sai khác thông tin trong biểu kê khai và cam kết tín dụng kèm theo thì bản cam kết tín dụng đính kèm trong E-HSĐT sẽ là cơ sở để đánh giá.

c) Đối với trường hợp nhà thầu liên danh, việc đánh giá tiêu chuẩn về nguồn lực tài chính được áp dụng cho cả liên danh. Nếu một thành viên liên danh thực hiện cung cấp nguồn lực tài chính cho một hoặc tất cả thành viên trong liên danh thì trong thỏa thuận liên danh cần nêu rõ trách nhiệm của thành viên liên danh đó.

(8) Hợp đồng tương tự là hợp đồng đã thực hiện toàn bộ, trong đó công việc xây lắp có các tính chất tương tự với gói thầu đang xét, bao gồm:

- Tương tự về bản chất và độ phức tạp: có cùng loại và cấp công trình tương tự hoặc cao hơn cấp công trình yêu cầu cho gói thầu này theo quy định của pháp luật về xây dựng. Đối với các công việc đặc thù, có thể chỉ yêu cầu nhà thầu phải có hợp đồng thi công tương tự về bản chất và độ phức tạp đối với các hạng mục chính của gói thầu;

- Tương tự về quy mô công việc: có giá trị công việc xây lắp bằng hoặc lớn hơn 70% giá trị công việc xây lắp của gói thầu đang xét;

(hai công trình có cấp thấp hơn liền kề với cấp của công trình đang xét, quy mô mỗi công trình cấp thấp hơn liền kề bằng hoặc lớn hơn 70% giá trị công việc xây lắp của gói thầu đang xét thì được đánh giá là một hợp đồng xây lắp tương tự).

- Trường hợp trong E-HSMT yêu cầu nhà thầu đã thực hiện từ hai hợp đồng tương tự trở lên thì nhà thầu phải đáp ứng tối thiểu một hợp đồng với quy mô, tính chất tương tự gói thầu đang xét. Quy mô của các hợp đồng tương tự tiếp theo được xác định bằng cách cộng các hợp đồng có quy mô nhỏ hơn nhưng phải bảo đảm các hợp đồng đó có tính chất tương tự với các hạng mục cơ bản của gói thầu đang xét.

Đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị phần công việc xây lắp của hợp đồng trong khoảng 50%-70% giá trị phần công việc xây lắp của gói thầu đang xét, đồng thời vẫn phải yêu cầu nhà thầu bảo đảm có hợp đồng thi công tương tự về bản chất và độ phức tạp đối với các hạng mục chính của gói thầu.

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà có thể yêu cầu tương tự về điều kiện hiện trường.

(9) Hoàn thành phần lớn nghĩa là hoàn thành ít nhất 80% khối lượng công việc của hợp đồng.

(10) Với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

(11) Ghi số năm yêu cầu, thông thường từ 3 đến 5 năm.

Mẫu số 04A

YÊU CẦU NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Trình độ chuyên môn (Trình độ tối thiểu, Chứng chỉ hành nghề...)	Tổng số năm kinh nghiệm (tối thiểu _năm)	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự (tối thiểu _năm)
1	Chỉ huy trưởng	1	Kỹ sư chuyên ngành xây dựng có chứng nhận bồi dưỡng chỉ huy trưởng công trình	5	3
2	Đội trưởng đội khảo sát	1	Kỹ sư trắc địa; hoặc kỹ sư chuyên ngành khảo sát địa hình có chứng chỉ hành nghề khảo sát địa hình	4	2
3	Đội trưởng đội xây lắp	1	Kỹ sư, cao đẳng chuyên ngành xây dựng	4	2

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các Mẫu số 11A, 11B và 11C Chương IV.

Ghi chú: Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và pháp luật về xây dựng mà Bên mời thầu quy định yêu cầu về nhân sự chủ chốt như chỉ huy trưởng công trình, chủ nhiệm kỹ thuật thi công, chủ nhiệm thiết kế bản vẽ thi công, đội trưởng thi công, giám sát kỹ thuật, chất lượng... và số năm kinh nghiệm tối thiểu của nhân sự chủ chốt đó cho phù hợp.

Mẫu số 04B**THIẾT BỊ THI CÔNG CHỦ YẾU DỰ KIẾN HUY ĐỘNG ĐỂ THỰC HIỆN GÓI THẦU**

Nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động thiết bị thi công chủ yếu để thực hiện gói thầu theo yêu cầu sau đây:

STT	Loại thiết bị	Đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1	- Máy thủy bình điện tử	Đo chênh cao phục vụ khảo sát; hiện trạng sử dụng tốt, sẵn sàng huy động cho gói thầu	1
2	- Máy toàn đạc điện tử	Đo khống chế cao, đo nối cao tọa độ vị trí khảo sát; hiện trạng sử dụng tốt, sẵn sàng huy động cho gói thầu	1
3	- Bộ thiết bị khống chế mặt bằng GPS (3 máy)	Đo nối tọa độ phục vụ khảo sát; hiện trạng sử dụng tốt, sẵn sàng huy động cho gói thầu	3

Nhà thầu phải kê khai thông tin chi tiết về các thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu theo Mẫu số 11D Chương IV.

Ghi chú: (1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà Bên mời thầu quy định yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động và số lượng để thực hiện gói thầu cho phù hợp.

ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **E-ĐKCT** phải được Bên mời thầu ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	Chủ đầu tư là: Tổng Công ty Phát điện 1 Địa chỉ: Tòa nhà Thai Building, khối nhà A, lô E2, số 22 đường Dương Đình Nghệ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Điện thoại: 024.730.89.789 Đại diện Chủ đầu tư: Công ty Thủy điện Đồng Nai Địa chỉ : 254 Trần Phú - Phường Lộc Sơn - Thành phố Bảo Lộc - Tỉnh Lâm Đồng - Việt Nam Điện thoại : 0263.2478888 Fax: 0263.3726899
E-ĐKC 1.6	Công trình bao gồm: Thi công cấm tiêu báo lũ, bảng chỉ dẫn ngập lụt thuộc phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp NMTĐ ĐN3 & ĐN4; Xã Quảng Khê, huyện Đăk Glong, tỉnh Đắk Nông; xã Lộc Lâm, xã Lộc Bảo huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.
E-ĐKC 1.8	Địa điểm công trường tại: NMTĐ ĐN3 & ĐN4; Xã Quảng Khê, huyện Đăk Glong, tỉnh Đắk Nông; xã Lộc Lâm, xã Lộc Bảo huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Được xác định trong bản vẽ số: -
E-ĐKC 1.13	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: Sau 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
E-ĐKC 1.14	Ngày khởi công là: là ngày bàn giao mặt bằng
E-ĐKC 1.15	Nhà thầu là:
E-ĐKC 1.24	Tư vấn giám sát là: -
E-ĐKC 2.8	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: Không yêu cầu
E-ĐKC 4	Chủ đầu tư có thể ủy quyền các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình cho người khác.
E-ĐKC 5	Hình thức đảm bảo thực hiện hợp đồng: Thư bảo lãnh của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành. Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng sau thuế, được làm tròn số đến đơn vị trăm nghìn đồng. - Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định. - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng. - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày - Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu trong thời hạn: không chậm hơn 10 ngày kể từ khi công trình được bàn giao, nghiệm thu, đồng thời nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.
E-ĐKC 7.1	Danh sách nhà thầu phụ: -
E-ĐKC 7.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 0 % giá hợp đồng.
E-ĐKC 7.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ Không áp dụng
E-ĐKC 14	Yêu cầu về bảo hiểm: kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của nhà thầu...
E-ĐKC 15	Thông tin về Công trường là: Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 3; Đồng Nai 4 khu vực rừng núi, mật độ dân cư thưa thớt, hệ thống đường giao thông, thông tin liên lạc thuận lợi
E-ĐKC 18	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: khi đủ điều kiện bàn giao mặt bằng Tại Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 3; Đồng Nai 4
E-ĐKC 21.2	Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày Giải quyết tranh chấp: Chủ đầu tư và nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. Nếu sau 30 ngày kể từ khi bắt đầu thương lượng mà các bên không đạt được thỏa thuận về giải quyết các tranh chấp theo Hợp đồng thì một trong hai bên có thể yêu cầu giải quyết tranh chấp đó qua Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại Lâm Đồng theo quy định pháp luật hiện hành tại Việt Nam. Quyết định của Tòa án nhân dân có thẩm quyền được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả hai bên.
B. Quản lý thời gian	

E-ĐKC 22	- Ngày khởi công: là ngày bàn giao mặt bằng - Ngày hoàn thành dự kiến: Sau 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
E-ĐKC 23.1	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 7 ngày, từ ngày ký Hợp đồng.
E-ĐKC 23.3	- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết trong trường hợp bất khả kháng, lập lại tiến độ so với Bảng tiến độ thi công chi tiết trước đó: 07 ngày. - Bảng tiến độ thi công chi tiết bổ sung không làm suy giảm giá trị của Bảng tiến độ thi công chi tiết lần đầu. Các thời điểm xử phạt chậm thi công các hạng mục, công việc đều dựa trên Bảng tiến độ thi công chi tiết lần đầu trừ trường hợp bất khả kháng. Các hạng mục công việc không bị ảnh hưởng của trường hợp bất khả kháng thì các thời điểm xử phạt chậm thi công các hạng mục, công việc đều dựa trên Bảng tiến độ thi công chi tiết lần đầu. - Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật: 10% giá trị hợp đồng
E-ĐKC 24.3	Các trường hợp khác: Trong các trường hợp bất khả kháng nhà thầu không thực hiện kịp tiến độ hợp đồng.
C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 27.2	Vật tư, máy móc, thiết bị: Nhà thầu phải đảm bảo tất cả vật tư và thiết bị theo đúng yêu cầu kỹ thuật.
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 34.1	Giá hợp đồng: - VND
E-ĐKC 35.1	- Tạm ứng: Bên A tạm ứng cho Bên B 30% giá trị Hợp đồng trong vòng 15 ngày sau khi Hợp đồng có hiệu lực và khi Bên B có văn bản đề nghị tạm ứng Hợp đồng, thư bảo lãnh của ngân hàng tương ứng với giá trị nói trên. - Thời gian tạm ứng: Sau khi hợp đồng có hiệu lực
E-ĐKC 36.1	Phương thức thanh toán: Hình thức thanh toán: chuyển khoản 100%. Thời hạn thanh toán: Thanh toán 100% giá trị Hợp đồng cho Bên B trong vòng 25 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng và Bên B cung cấp đầy đủ các chứng từ sau: Giấy đề nghị thanh toán của Bên B; Hóa đơn tài chính hợp lệ; Biên bản nghiệm thu quyết toán khối lượng; Biên bản nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng; Bảng tổng hợp giá trị quyết toán; Biên bản thanh lý Hợp đồng; Bảo lãnh bảo hành công trình(5% giá trị quyết toán công trình); Hồ sơ hoàn công công trình; Báo cáo đánh giá chất lượng công trình; Các chứng từ khác có liên quan (nếu có).
	Điều chỉnh thuế: không được phép
E-ĐKC 38.1	Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 5%.
E-ĐKC 42.1	Mức phạt: Mức phạt chậm tiến độ: 0,2% (không phẩy hai phần trăm) giá trị phần hợp đồng bị vi phạm, theo các mốc thi công được quy định trong bảng tiến độ, cho mỗi ngày vi phạm. - Tổng số tiền phạt do không hoàn thành hợp đồng theo tiến độ không quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. - Phạt về chất lượng: Trong trường hợp bên B vi phạm nghĩa vụ đảm bảo chất lượng cho công trình thì bên B sẽ chịu mọi kinh phí sửa chữa theo yêu cầu của bên A và bị phạt 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm về chất lượng. Trường hợp do sửa chữa mà phải kéo dài thời gian hoàn thành thì tiếp tục xử lý phạt theo quy định về chậm tiến độ.
E-ĐKC 42.2	Yêu cầu về phạt do Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu theo thời gian quy định trong Hợp đồng: Không áp dụng
E-ĐKC 42.3	Mức thưởng: Không áp dụng Tổng số tiền thưởng tối đa: Không áp dụng
E. Kết thúc hợp đồng	
E-ĐKC 46	Thời gian bàn giao công trình: Sau khi nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.
E-ĐKC 47.1	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: trong vòng 05 ngày kể từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.
E-ĐKC 47.2	Số tiền giữ lại: 10% giá trị hợp đồng.